

## BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810059	Phạm Thị Quỳnh	Chi	15/10/1990	KHA	6.5	8	9.5	7	10	9
810060	Trần Đặng Kim	Chi	2/10/1990	TB	7.5	5	4	5.5	9.5	7.5
810061	Trần Linh	Chi	21/04/1990	KHA	6	8	8.5	7	9	8.5
810062	Trần Thị Lệ	Chi	11/5/1990	GIOI	7.5	9.5	9.5	10	10	8
810063	Lê Xuân	Chiêu	6/12/1990	KHA	7.5	6.5	7.5	6	9.5	6.5
810064	Bùi Quang	Chủ	12/8/1990	TB	5.5	5.5	7.5	3.5	10	5
810065	Bùi Thị Ngọc	Cúc	12/11/1990	KHA	6.5	7	8.5	10	9.5	6
810066	Nguyễn Cao	Cường	12/1/1988	TB	8	6.5	5.5	2.5	8.5	5
810067	Trần Quốc	Cường	5/1/1990	TB	6.5	6	9	5	9	7
810068	Đoàn Thị Ngọc	Diễm	22/07/1990	GIOI	7	8	9.5	7.5	10	7
810069	Nguyễn Hoàng	Diễm	30/11/1990	KHA	6.5	8.5	7.5	9.5	10	7
810070	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	27/06/1990	KHA	8	7.5	7.5	9.5	8.5	8
810071	Nguyễn Hoàng Ngọc	Diệp	2/9/1990	KHA	8	7	7.5	9.5	10	6
810072	Trần Thị Ngọc	Diệu	19/11/1990	TB	8	7	8	5.5	9	6
810073	Nguyễn Thị	Dịu	10/12/1990	TB	6.5	7	9	5.5	10	7.5
810074	Đặng Thùy	Dung	28/10/1990	TB	8	7	9	9.5	10	5
810075	Đinh Thị Trang	Dung	19/02/1990	KHA	8.5	7.5	9	9.5	8.5	7
810076	Huỳnh Dương Phương	Dung	26/03/1990	TB	7	5.5	6	1	9	6.5
810077	Lê Trần Yên	Dung	19/09/1990	GIOI	8.5	7	9.5	9.5	10	9.5
810078	Lương Thị Kim	Dung	21/12/1989	TB	9	7	8.5	5	10	9.5
810079	Lưu Thị Kim	Dung	16/06/1990	TB	6.5	5.5	5.5	3.5	9.5	7
810080	Nguyễn Thị Thùy	Dung	12/7/1990	KHA	7	7.5	8	9.5	9	7
810081	Nguyễn Thùy	Dung	11/12/1990	KHA	8.5	8	8	9	10	7
810082	Phạm Thị Thùy	Dung	17/03/1990	TB	8	9.5	8.5	5	10	8
810083	Trần Mỹ	Dung	30/12/1990	KHA	7.5	8.5	9	7	10	8
810084	Trần Thùy	Dung	28/12/1989	GIOI	8	9	10	10	10	8.5
810085	Bùi Tiến	Dũng	20/01/1990	KHA	7	6.5	8.5	6.5	10	9
810086	Bùi Văn	Dũng	13/05/1990	GIOI	7.5	9.5	9.5	9	10	8.5
810087	Chu Tiến	Dũng	7/6/1990	TB	6	4.5	8	4	7.5	5.5
810088	Nguyễn Anh	Dũng	9/6/1990	TB	7	6.5	9	3.5	7.5	5.5
810089	Nguyễn Tấn Hoàng	Dũng	9/9/1990	TB	6	6	5.5	3	7.5	6
810090	Nguyễn Thiên Anh	Dũng	2/3/1990	TB	7.5	8.5	9.5	5	10	9
810091	Nguyễn Tiến	Dũng	9/6/1990	TB	5.5	4	8	7	9.5	7.5
810092	Phạm Anh	Dũng	9/5/1990	KHA	7	7	9	6	10	6
810093	Dương Quốc	Duy	1/8/1990	KHA	6	7	8	9	9	7
810094	Đặng Bảo	Duy	9/4/1990	TB	7	8.5	9.5	9.5	10	7
810095	Lại Hoàng	Duy	26/05/1990	KHA	6	7.5	7	8.5	6.5	7
810096	Lê Đăng	Duy	5/8/1990	KHA	7.5	8	8	9.5	10	7
810097	Phạm Vũ Khánh	Duy	28/08/1990	KHA	6.5	6	8	6	10	8
810098	Trần Hoàng	Duy	10/10/1990	GIOI	7	8.5	10	9	9.5	9
810099	Vũ Đức	Duy	25/12/1990	GIOI	7.5	8.5	9.5	8.5	10	8
810100	Đào Thị Thùy	Dương	27/05/1990	KHA	7.5	7.5	7	9	9	7.5
810101	Đỗ Thị Thùy	Dương	27/09/1990	KHA	8.5	7	7.5	8.5	9.5	7.5
810102	Huỳnh Thái	Dương	24/10/1990	TB	7.5	8	8	1.5	10	5.5
810103	Trần Võ Thùy	Dương	10/2/1990	KHA	7	7.5	7	6.5	9.5	9
810104	Trương Nguyễn Thùy	Dương	12/11/1990	KHA	7.5	6	9.5	7	10	6.5
810105	Tôn Anh	Đài	18/10/1990	TB	6.5	7.5	7	5.5	10	6
810106	Vũ Hoàng	Đài	6/1/1990	KHA	6.5	8	9	9	10	6
810107	Bùi Thị Anh	Đào	1/12/1990	KHA	7	6	8	8	10	6.5
810108	Nguyễn Anh	Đào	10/5/1990	GIOI	8	8	9	9.5	10	9.5
810109	Võ Thị Anh	Đào	28/05/1990	KHA	9	6	8.5	9	10	6
810110	Nguyễn Tôn	Đạo	11/11/1990	TB	5	7.5	7.5	3	9.5	5
810111	Nguyễn Thành	Đạt	13/11/1990	KHA	6.5	9.5	10	9	10	9.5
810112	Nguyễn Thành	Đạt	22/04/1990	KHA	7	8.5	9	9.5	9.5	6

**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008**

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810113	Phạm Lê Tấn	Đạt	27/10/1990	TB	5.5	7	9	5.5	7.5	6
810114	Đặng Hải	Đặng	29/09/1990	KHA	6.5	8.5	9	8	10	9
810115	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	2/9/1990	KHA	7	7	6	8	8.5	8
810116	Phan Trần Nguyên	Định	29/07/1990	TB	6	7.5	7.5	2	8	7
810117	Lê Khắc	Đức	4/2/1990	TB	6.5	8	8.5	9	10	5.5
810118	Lưu Hiền	Đức	10/10/1990	TB	5	7	7	5	10	7
810119	Vũ Minh	Đức	14/03/1990	KHA	6.5	8.5	6.5	8	9	8
810120	Nguyễn Thành	Được	27/03/1990	KHA	7.5	7	8.5	8	10	8.5
810121	Đặng Hồng	Giang	20/10/1990	TB	7.5	6.5	5	6.5	7.5	7
810122	Vũ Thị Châu	Giang	21/03/1990	TB	4	5	3.5	5	10	8
810123	Bùi Thị Thu	Hà	8/8/1990	GIOI	7.5	9.5	9	10	10	9
810124	Khương Nguyễn Ngọc	Hà	6/12/1990	KHA	7.5	8	8	9	9	7.5
810125	Ngô Hải	Hà	3/6/1990	KHA	8	8	10	6.5	10	7
810126	Nguyễn Thu	Hà	5/12/1990	KHA	8.5	7.5	8.5	9.5	10	8.5
810127	Thái Thị	Hà	2/2/1990	TB	8	5	8	8.5	9.5	7
810128	Thiều Thanh	Hà	1/1/1990	TB	6.5	5.5	8.5	5.5	10	9
810129	Trương Mỹ	Hà	26/01/1990	GIOI	8.5	9	10	10	10	7
810130	Trương Thị Thu	Hà	12/12/1990	GIOI	9	8	10	9	10	8
810131	Cao Phúc	Hải	26/06/1990	KHA	6.5	6.5	7.5	8	10	6
810132	Nguyễn Quang	Hải	13/01/1990	KHA	6	7	8	9	8	7.5
810133	Phùng Nam	Hải	3/3/1990	KHA	7.5	7.5	7.5	9	10	8
810134	Bùi Thị Hồng	Hạnh	6/3/1990	KHA	8.5	6.5	8	9.5	8.5	7
810135	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	28/03/1990	TB	7.5	7.5	9	4	10	7
810136	Phạm Lê Mỹ	Hạnh	24/05/1990	KHA	8	6	7.5	9	9.5	7
810137	Trần Ngọc Dung	Hạnh	14/06/1990	GIOI	8.5	10	9.5	9	10	9
810138	Trịnh Thị Bích	Hạnh	23/03/1990	KHA	7.5	9	9	8.5	10	9
810139	Nguyễn Ngọc	Hào	16/01/1990	KHA	8	6.5	8	8.5	10	6.5
810140	Trần Ngọc	Hào	5/1/1990	KHA	8	6.5	9	9.5	10	8
810141	Lê Thuý	Hằng	24/12/1990	KHA	6.5	6	8.5	6.5	10	6.5
810142	Ngô Thái	Hằng	25/06/1990	TB	7.5	6	4	5	8	9
810143	Phạm Thụy Thu	Hằng	14/10/1990	TB	7.5	6.5	6.5	5.5	9.5	7
810144	Tổng Thanh	Hằng	14/09/1990	GIOI	7.5	8	8.5	9	10	8
810145	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	30/01/1990	TB	8	6	8	5.5	7	6
810146	Phạm Thị Thu	Hiền	16/01/1990	GIOI	8.5	7.5	9	9.5	10	9.5
810147	Thái Thu	Hiền	18/08/1990	GIOI	8.5	9.5	9	9.5	10	9.5
810148	Trần Thị Ngọc	Hiền	29/12/1990	KHA	9	8.5	9.5	9.5	10	9
810149	Từ Thanh	Hiền	17/02/1990	KHA	8	6.5	8	9.5	8.5	8
810150	Lâm Thành	Hiển	21/04/1990	TB	6.5	6.5	7.5	3	8.5	7
810151	Võ Thế	Hiển	2/1/1990	GIOI	8.5	8.5	9.5	9.5	10	8
810152	Đoàn Tuấn	Hiệp	12/3/1990	KHA	8	7.5	7.5	6	10	7
810153	Hoàng	Hiệp	28/07/1990	TB	6	5.5	3.5	7.5	8	6
810154	Phạm Tuấn	Hiệp	8/11/1990	KHA	7	8.5	9.5	9.5	10	9.5
810155	Hoàng Trung	Hiếu	5/12/1990	TB	5	8.5	9	6.5	10	8
810156	Lợi	Hiếu	30/01/1990	TB	6.5	5.5	5.5	5	8.5	6
810157	Nguyễn Trung	Hiếu	18/02/1990	TB	5.5	5.5	8	5.5	8.5	9
810158	Phạm Trung	Hiếu	21/10/1990	TB	5.5	9	8	8.5	9	8
810159	Phạm Trung	Hiếu	7/1/1990	KHA	7	6.5	6	6	9.5	8
810160	Trần Trung	Hiếu	10/8/1990	TB	5.5	6.5	8	7	10	7.5
810161	Trần Thị Quỳnh	Hoa	2/6/1990	GIOI	8.5	9	9.5	9.5	10	8
810162	Nguyễn Đức	Hòa	25/08/1990	KHA	8	7.5	8.5	9.5	10	7
810163	Nguyễn Thị Thu	Hoà	26/01/1990	TB	7.5	5	6.5	5	6	6
810164	Nguyễn Trọng	Hòa	30/03/1990	TB	7	7	7	4	10	8.5
810165	Trần Phạm Ngọc	Hòa	26/01/1990	KHA	7	9.5	9	9	10	8
810166	Vũ Mạnh	Hoàn	18/09/1990	KHA	7	8	7.5	9.5	10	6

**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008**

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810167	Đặng Đình Nguyễn	Hoàng	22/03/1990	KHA	8	8	9.5	9.5	10	7.5
810168	Đỗ Mạnh Phú	Hoàng	6/7/1990	KHA	6.5	7	8.5	9.5	10	7
810169	Mai Huy	Hoàng	4/10/1990	GIOI	7.5	9	9.5	9.5	10	7
810170	Nguyễn Duy	Hoàng	24/04/1990	KHA	6	8.5	9	8.5	10	6.5
810171	Nguyễn Tuấn	Hoàng	17/11/1989	TB	5.5	6.5	8	7.5	9	8
810172	Tôn Thất Khánh	Hoàng	31/08/1990	KHA	6.5	7.5	9	8.5	10	8.5
810173	Trương Tấn	Hoàng	26/01/1990	KHA	6.5	8	9.5	9	10	7.5
810174	Hoàng Thị Ngọc	Hồng	26/03/1990	TB	7.5	6	5	6	4.5	5.5
810175	Nguyễn T. Phương Hồng	Huế	10/8/1990	KHA	6.5	8	8	6.5	9.5	6
810176	Nguyễn Thị	Huế	18/09/1990	TB	8	7.5	8.5	2	8.5	7
810177	Phan Thị Mỹ	Huệ	10/2/1990	TB	8	7	6.5	8.5	10	6
810178	Đậu Quốc	Hùng	1/11/1990	TB	5	6.5	7	4	7.5	5.5
810179	Lê Hoàng	Hùng	26/10/1990	GIOI	8	10	10	9.5	10	9
810180	Lê Văn	Hùng	30/11/1990	TB	7	8.5	8.5	9	9	5
810181	Trịnh Thanh	Hùng	15/11/1990	TB	5	7	7	6	7.5	5
810182	Đặng Đức	Huy	20/02/1990	TB	6	8	10	8.5	10	8.5
810183	Đặng Nhật	Huy	22/09/1990	KHA	7.5	7.5	9	6.5	10	9.5
810184	Lê Đức	Huy	9/4/1990	TB	6	7.5	8	5	9	7.5
810185	Nguyễn Hoàng	Huy	24/03/1990	KHA	8	9	9.5	7	9.5	8
810186	Nguyễn Minh	Huy	22/06/1990	TB	8	8	8.5	2.5	10	6.5
810187	Trần Quốc	Huy	2/2/1989	KHA	8	7.5	9	6.5	10	7.5
810188	Trần Xuân	Huy	14/12/1990	TB	6.5	7	9	1	9	7
810189	Vũ Quốc	Huy	1/1/1990	TB	7.5	6.5	7.5	1	10	8.5
810190	Bùi Thị Thu	Huyền	27/09/1990	GIOI	8.5	9.5	9.5	8.5	10	9
810191	La Trịnh Đức	Hưng	19/11/1990	TB	4.5	5	5	3.5	7	7
810192	Ngô Quang	Hưng	6/10/1990	KHA	7.5	7	9.5	9	10	8
810193	Nguyễn Đức	Hưng	11/7/1990	KHA	7	8	9	6.5	9.5	6
810194	Phạm Ngọc	Hưng	16/01/1990	TB	6.5	7.5	5	8	9.5	7
810195	Huỳnh Thị Thu	Hương	28/05/1990	KHA	8	7	6.5	6	9.5	8
810196	Lê Nguyễn Quỳnh	Hương	8/2/1990	KHA	7	7	7.5	8	9.5	8
810197	Mai Thị Thu	Hương	2/1/1990	KHA	7.5	8.5	7	7	10	6.5
810198	Nguyễn Quỳnh	Hương	18/07/1990	TB	8	8.5	9	5.5	9.5	9
810199	Nguyễn Thị	Hương	11/1/1990	KHA	8	7.5	7	7.5	10	8
810200	Nguyễn Thụy Minh	Hương	20/10/1990	KHA	7	6	6	6	8.5	8
810201	Quan Diễm	Hương	8/6/1990	GIOI	7	9	9.5	9.5	10	9
810202	Trương Thị Thu	Hường	9/11/1990	KHA	8	7.5	8	9	9	7.5
810203	Nguyễn Hữu Minh	Kha	20/10/1990	GIOI	7	7	9	9.5	10	9
810204	Cao Việt	Khải	1/3/1990	TB	5.5	5.5	6	5	7	6.5
810205	Nguyễn Thế	Khải	20/06/1990	TB	7	5.5	8	8.5	10	9
810206	Huỳnh Trần Hải	Khánh	3/3/1990	TB	7.5	7	9.5	3	10	7
810207	Nguyễn Vũ	Khánh	27/02/1990	KHA	8.5	9	9.5	8.5	10	6.5
810208	Phan Thị Kim	Khánh	24/10/1990	GIOI	8	9.5	9.5	9.5	10	9
810209	Nguyễn Anh	Khoa	18/09/1990	KHA	6	6.5	8	6.5	8.5	7
810210	Nguyễn Công Minh	Khoa	2/10/1990	TB	6.5	6	7	5	7.5	6.5
810211	Tạ Hoàng Đăng	Khoa	24/09/1990	TB	6	7	6.5	2.5	9	6.5
810212	Bùi Tiến	Khôi	13/12/1990	TB	6	5.5	8	3.5	10	6
810213	Hoàng Ngọc	Khôi	19/01/1990	TB	7	5.5	7	9.5	10	8
810214	Nguyễn Hồ	Khởi	26/05/1990	GIOI	8	9	10	9.5	10	7.5
810215	Đào Thị Nhi	Khuyên	21/10/1990	TB	7	9	6	1	8	7.5
810216	Ngô Thị Lệ	Khuyên	23/03/1990	TB	8	8.5	8	6	10	3.5
810217	Nguyễn Bảo	Khuyên	3/12/1990	KHA	6.5	9.5	8.5	7	10	7.5
810218	Trần Mạch Hoàng	Khuyên	4/2/1990	KHA	8.5	8	8	6.5	10	9
810219	Lâm Thái	Khương	20/07/1990	KHA	7	8	7.5	7	10	7.5
810220	Nguyễn Xuân	Khương	31/07/1990	TB	8	7	8	3	8.5	5

**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008**

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810221	Vũ Hoàng	Khương	28/11/1990	TB	7	6	7.5	5.5	10	6.5
810222	Phạm Trung	Kiên	21/01/1990	KHA	6.5	7	9	8	9.5	6.5
810223	Nguyễn Phương	Kiều	7/2/1990	TB	6.5	7	6	2.5	8	5.5
810224	Trần Thị Thúy	Kiều	30/07/1990	TB	7	7	7	5	8.5	5
810225	Võ Ngọc Diễm	Kiều	2/5/1990	TB	5.5	6.5	6.5	5.5	8	9
810226	Đỗ Long	Kim	2/2/1990	TB	5	4.5	6	3.5	9	6
810227	Lê Thị Bạch	Kim	8/12/1990	TB	6.5	6	5.5	5	9	4.5
810228	Trịnh Thị Hồng	Lam	22/03/1990	KHA	7.5	7.5	9	8.5	9.5	7
810229	Cù Thị Thúy	Lan	27/09/1990	KHA	7	7	8	6	10	8
810230	Lưu Hồng	Lan	21/06/1990	TB	7	9	9.5	6	10	5
810231	Lý Thị Mỹ	Lan	10/2/1990	TB	6.5	6.5	8	8.5	10	5.5
810232	Nguyễn Thụy Yên	Lan	11/7/1990	TB	6	5.5	6.5	5	6.5	5.5
810233	Tống Mỹ	Lan	3/5/1990	TB	5	6.5	7	9	10	7
810234	Trần Thanh	Lan	24/10/1990	GIOI	7	8.5	9.5	9.5	10	10
810235	Trần Thị Hương	Lan	13/10/1990	TB	5	7	8	1.5	10	7
810236	Trịnh Thị	Lan	10/8/1990	TB	7.5	6.5	9	4	9	8.5
810237	Nguyễn Xuân	Lành	30/04/1990	TB	5	6.5	8	7.5	9	7.5
810238	Nguyễn Văn	Lâm	19/10/1989	KHA	7.5	8	9.5	9.5	10	7
810239	Trần Ân Sơn	Lâm	1/1/1990	KHA	6.5	9	8.5	6.5	9.5	6
810240	Trần Thiện	Lập	7/8/1990	GIOI	7	8.5	8	9.5	10	8.5
810241	Điêu Thị Hồng	Lê	19/05/1990	GIOI	9	9	10	9.5	10	9
810242	Lê Vũ	Liên	1/8/1990	KHA	7	7.5	8.5	7.5	10	8.5
810243	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	25/04/1990	KHA	6	8.5	8.5	9	9	7
810244	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	14/03/1990	TB	7.5	6	7	5.5	9.5	9.5
810245	Nguyễn Thị Thùy	Liên	15/04/1990	TB	7	6.5	7.5	4.5	9	8.5
810246	Phạm Thị Bích	Liên	28/07/1990	TB	7.5	9	9	5	10	8
810247	Trần Thị Bích	Liên	12/1/1990	TB	7.5	4.5	5.5	3.5	7	5.5
810248	Đinh Thị	Liểu	17/04/1989	TB	9	5.5	9	9.5	10	9
810249	Cao Thị Mỹ	Linh	29/09/1990	KHA	9	6	6.5	9	8	8
810250	Đỗ Thị Trúc	Linh	19/03/1990	TB	7	5	8	3	9	6
810251	Hoàng Ngọc	Linh	9/11/1990	TB	8.5	5	5	2.5	9	8.5
810252	Hoàng Thị Thùy	Linh	22/09/1990	TB	7.5	9	9	5.5	10	6.5
810253	Lâm Thị Mỹ	Linh	14/01/1990	KHA	7.5	6.5	8	8.5	9	6.5
810254	Ngô Thị Nhật	Linh	22/11/1990	TB	5.5	6	7.5	3.5	7	6
810255	Ngô Thị Thùy	Linh	27/10/1990	KHA	6.5	6.5	6	6	9	8
810256	Nguyễn Lê Phương	Linh	12/9/1990	TB	8	5	6.5	7.5	5.5	5.5
810257	Nguyễn Mạnh	Linh	25/01/1990	TB	7.5	6.5	8.5	5	10	9
810258	Nguyễn Thị Thảo	Linh	10/1/1990	KHA	7	6	9	6	8.5	7
810259	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/10/1990	TB	6.5	5	6	1.5	8	7
810260	Nguyễn Thị Thúy	Linh	1/1/1990	GIOI	7	9.5	9	9.5	10	7.5
810261	Nguyễn Yên	Linh	9/12/1990	TB	8	5.5	6	9.5	8.5	7
810262	Ong Khải	Linh	4/5/1990	KHA	7	7.5	9	7	10	9
810263	Phạm Duy	Linh	2/2/1990	TB	7.5	8	9	5	10	7.5
810264	Phạm Nguyễn Tuấn	Linh	2/6/1990	TB	7.5	9	8.5	1.5	10	6.5
810265	Phạm Trần Huệ	Linh	1/11/1990	TB	8.5	6	5	6	9.5	7
810266	Trần Huệ	Linh	12/2/1990	TB	7.5	5	4	7	3.5	5.5
810267	Trần Ngọc Phương	Linh	5/10/1990	KHA	7.5	9.5	8	8	9	7
810268	Lê Thị Thanh	Loan	7/10/1990	KHA	8.5	8.5	9	8	9.5	7
810269	Mai Ngọc Hồng	Loan	6/2/1990	TB	8	7	7.5	4.5	9	6
810270	Nguyễn Thị Kim	Loan	1/2/1990	KHA	8.5	7	8	9.5	10	8.5
810271	Trương Thanh	Loan	6/10/1990	TB	8	4	6	3	8	4.5
810272	Võ Trần Thanh	Loan	21/07/1990	TB	7.5	5	6.5	7	6.5	7.5
810273	Đặng Nguyễn Hoàng	Long	14/01/1990	TB	6.5	7	8	1	7	7
810274	Nguyễn Hoàng	Long	12/9/1990	TB	6	7	8	5.5	10	6

**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008**

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810275	Nguyễn Huỳnh Huy	Long	14/07/1990	KHA	8.5	8.5	8.5	9.5	10	6
810276	Nguyễn Lý Phan	Long	8/3/1990	KHA	7.5	9	9	7	9	9
810277	Nguyễn Thành	Long	13/06/1990	KHA	8	9	9.5	9	10	6
810278	Nguyễn Thị Châu	Long	7/10/1990	KHA	8.5	8.5	9.5	9.5	9.5	8
810279	Phạm Hữu Phi	Long	3/7/1990	TB	6.5	5	6.5	5	9	6.5
810280	Phan Duy	Long	4/10/1990	KHA	7	8	9.5	9	10	8
810281	Tạ Duy	Long	24/06/1990	KHA	8	9	10	9	10	7
810282	Viên Kim	Long	4/1/1990	KHA	8	6.5	8	6	9	7
810283	Vũ Trần Thành	Long	1/1/1990	TB	7.5	5.5	6.5	7	6.5	6
810284	Nguyễn Bá	Lộc	1/2/1990	TB	7	5	6.5	1	9.5	4.5
810285	Nguyễn Hữu	Lộc	12/2/1990	KHA	7	7.5	7.5	6	8	8
810286	Trần Hữu	Lộc	4/5/1990	KHA	7	9	10	9.5	10	8.5
810287	Võ Bảo	Lộc	27/01/1990	KHA	8	8.5	9.5	9	10	7.5
810288	Đặng Thành	Luân	26/11/1990	TB	6	5.5	7	5	7.5	6
810289	Trần Khánh	Luân	22/03/1990	KHA	6.5	7	6.5	9.5	7.5	7.5
810290	Nguyễn Ngô	Lữ	16/03/1990	TB	6.5	5	4.5	9.5	8.5	8
810291	Nguyễn Thị	Lượ	17/08/1990	GIOI	8.5	9.5	9	10	10	8
810292	Phạm Ngọc	Lưu	23/10/1990	KHA	7.5	8	9	10	10	8.5
810293	Nguyễn Kim Hoàng	Ly	6/7/1990	TB	5.5	6.5	5.5	8.5	6.5	6
810294	Hồ Phương	Mai	20/09/1990	KHA	7	8	10	9.5	9.5	9
810295	Huỳnh Ngọc	Mai	22/12/1990	KHA	7	8	8.5	8.5	7.5	8
810296	Lã Thị Ngọc	Mai	19/01/1990	KHA	9	9	8	9	10	10
810297	Nguyễn Phạm Quỳnh	Mai	28/11/1990	TB	8	7.5	4.5	8.5	6.5	8
810298	Nguyễn Thùy	Mai	22/01/1990	TB	7.5	5.5	7.5	8	9	8
810299	Phạm Thị Hoàng	Mai	8/9/1990	TB	8	8	6.5	5	9	8
810300	Phạm Thị Quỳnh	Mai	6/1/1990	KHA	8	9.5	9	9	10	8
810301	Phan Thị Hồng	Mai	12/9/1989	KHA	8	8.5	9.5	9.5	10	8
810302	Huỳnh Hữu	Mạnh	20/05/1990	KHA	6.5	8.5	9	8.5	10	8
810303	Lưu Trọng	Minh	30/09/1990	TB	7	7.5	7.5	8	6.5	6.5
810304	Nguyễn Nhật	Minh	14/07/1990	KHA	6.5	8	8.5	9.5	9	8.5
810305	Tạ Thị Nhật	Minh	1/6/1990	TB	7	6	5	5	5	7
810306	Võ Hồ Quang	Minh	7/2/1990	GIOI	7.5	7.5	9	10	10	8.5
810307	Đặng Hồ Hà	My	29/09/1990	KHA	6.5	6.5	6	6.5	8.5	7.5
810308	Nguyễn Thị Yến	My	26/09/1990	GIOI	7.5	9.5	10	9	10	9.5
810309	Trần Ngọc Diễm	My	28/10/1990	GIOI	8	9	9.5	10	8.5	8.5
810310	Đỗ Hải	Nam	24/04/1990	KHA	6.5	8.5	9	9	9.5	8.5
810311	Lê Trung	Nam	29/09/1990	TB	7	8	9.5	5	10	8
810312	Nguyễn Hoài	Nam	16/07/1990	KHA	7.5	6.5	7.5	6	8.5	6
810313	Nguyễn Quốc	Nam	5/9/1990	KHA	6.5	7	10	7	10	9
810314	Nguyễn Thành	Nam	3/5/1990	TB	5.5	7.5	9	5.5	10	7.5
810315	Nguyễn Thành	Nam	17/08/1990	TB	6	5	8.5	8	10	6
810316	Phạm Văn	Nam	16/03/1990	KHA	7.5	9.5	9.5	9	10	7
810317	Vũ Trường Giang	Nam	19/09/1990	TB	8.5	8.5	9.5	4	10	6.5
810318	Dương Nhị Nguyệt	Nga	13/11/1990	KHA	7.5	7.5	8	6	10	8.5
810319	Đặng Thị Thúy	Nga	3/4/1990	KHA	7.5	9.5	9.5	9	10	8
810320	Hoàng Thị Thanh	Nga	20/08/1990	KHA	8.5	7.5	8.5	6	10	7
810321	Lương Thúy	Nga	21/01/1990	KHA	6	9	9.5	8.5	10	8.5
810322	Hoàng Lê	Ngân	27/04/1990	KHA	7	9.5	10	7	10	9
810323	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18/01/1990	TB	7.5	6	5	7	4.5	5.5
810324	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	15/07/1990	TB	7	5	7	5	6	6
810325	Nguyễn Thị Thu	Ngân	22/03/1990	TB	7	8	7.5	2	8	6
810326	Phạm Thị Bích	Ngân	30/04/1990	KHA	7	7	7.5	9	9	7.5
810327	Trần Kim	Ngân	30/09/1990	KHA	7	6.5	8.5	8	7.5	9
810328	Trần Hoàng Diễm	Nghi	14/01/1990	TB	7.5	5.5	7	6.5	8	7

## BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810329	Lê Nguyễn Trọng	Nghĩa	20/03/1990	TB	7	7.5	7	4	8.5	7
810330	Ngô Tuấn	Nghĩa	2/8/1990	TB	5.5	8	8.5	6.5	10	7.5
810331	Đào Hồng	Ngọc	10/1/1990	TB	7	7.5	8.5	1	10	6
810332	Đặng Thị Bích	Ngọc	14/07/1990	TB	5.5	8.5	10	7	9.5	8.5
810333	Đoàn Minh	Ngọc	18/08/1990	TB	8	6.5	4.5	4	6.5	7
810334	Hoàng Mộng	Ngọc	20/02/1990	KHA	8.5	8	8.5	7	10	9
810335	Lê Thanh	Ngọc	29/09/1990	KHA	8	9	9	8.5	10	8
810336	Ngô Bích	Ngọc	23/10/1990	KHA	7	8.5	9	8.5	10	8
810337	Nguyễn Bích	Ngọc	24/08/1990	TB	7	4	4.5	8	8	5.5
810338	Nguyễn Duy	Ngọc	12/6/1990	TB	6	7	8	5.5	10	8
810339	Nguyễn Hoàng	Ngọc	4/11/1990	KHA	7.5	8	8.5	9.5	10	6.5
810340	Nguyễn Mai Giáng	Ngọc	14/04/1990	TB	7	6	7	5	8	8
810341	Nguyễn Phương Bảo	Ngọc	22/09/1990	GIOI	8	9	9.5	9.5	10	9
810342	Nguyễn Thị Cẩm	Ngọc	24/04/1990	GIOI	8	9	9.5	9.5	10	8
810343	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	14/05/1990	KHA	8.5	6.5	6	6	10	7
810344	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	2/9/1990	TB	8	8.5	8.5	5	10	8.5
810345	Nguyễn Trần Mai	Ngọc	9/9/1990	TB	7.5	6.5	9	5.5	10	6.5
810346	Ninh Dương Lan	Ngọc	4/4/1990	KHA	7	6.5	7	6	10	6.5
810347	Phạm Thanh	Ngọc	2/6/1990	TB	7.5	6	5	5	8.5	8
810348	Phạm Thị Bích	Ngọc	20/07/1990	TB	5.5	6	7.5	7.5	9	5
810349	Phan Minh	Ngọc	11/3/1990	KHA	7.5	8.5	9	7.5	10	9.5
810350	Trần Nguyễn Trang Bích	Ngọc	11/10/1990	GIOI	8	8	9.5	8.5	10	8
810351	Trần Thị Minh	Ngọc	12/2/1990	KHA	8.5	9	9.5	9	10	8.5
810352	Trương Anh	Ngọc	13/09/1990	TB	7	7	8.5	9.5	10	5.5
810353	Nguyễn Thị Lệ	Nguyễn	6/2/1990	KHA	7.5	6.5	8	9	10	7.5
810354	Nguyễn Thị Tân	Nguyễn	16/04/1990	TB	7	5.5	5.5	5.5	10	8
810355	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyễn	8/12/1990	TB	6	7.5	8.5	5.5	10	8.5
810356	Phạm Thái Thúy Thanh	Nguyễn	2/1/1990	TB	7.5	5.5	6	5	8	8
810357	Trịnh Minh Vĩnh	Nguyễn	25/04/1990	TB	7.5	7	6	5	9	8
810358	Lê Minh	Nguyễn	26/05/1990	GIOI	8	8	9	8.5	10	9
810359	Nguyễn Thị ÁNH	Nguyễn	25/09/1990	TB	6	6	8	5.5	10	7
810360	Cù Đức	Nhã	8/1/1990	TB	6.5	7	5.5	6	8.5	6
810361	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	23/04/1990	GIOI	9	8	8	7.5	10	9
810362	Phùng Cẩm Xuân	Nhã	20/11/1990	TB	7.5	7.5	7	2.5	10	9
810363	Bùi Thanh	Nhài	3/2/1990	KHA	7.5	6.5	8	8	10	8
810364	Cao Hữu	Nhân	3/1/1990	KHA	8	7.5	10	7.5	10	7
810365	Mai Trọng	Nhân	4/11/1990	KHA	7.5	7	8.5	9.5	9.5	9
810366	Nguyễn Hồ Mạnh	Nhân	5/10/1990	GIOI	8	8.5	9.5	7	10	10
810367	Lê Huy	Nhật	23/07/1990	TB	8.5	5	6	3	10	8
810368	Nguyễn Đăng	Nhật	8/5/1990	KHA	7.5	7.5	10	8.5	10	7.5
810369	Lý Hồng Vân	Nhi	19/10/1990	KHA	8.5	9.5	8.5	6.5	10	9
810370	Trương Lê Bích	Nhi	23/12/1990	TB	6	9	9.5	5	10	7
810371	Nguyễn Phú	Nhuận	11/1/1990	TB	7.5	7.5	8.5	3.5	10	10
810372	Bùi Thị	Nhung	8/6/1990	TB	7	6	6.5	1	8	4
810373	Cao Thị Hồng	Nhung	7/10/1990	KHA	8.5	7	8	8.5	9.5	8.5
810374	Đào Thị Hồng	Nhung	7/6/1990	TB	6.5	5.5	6	1	6	8
810375	Nguyễn Ngọc	Nhung	8/10/1990	KHA	8	7.5	8	8.5	10	8
810376	Phạm Thị	Nhung	20/12/1990	TB	8	5	5.5	5.5	8.5	6.5
810377	Trương Thị Hồng	Nhung	17/04/1990	TB	8	8	5	4	9.5	7
810378	Vũ Thị	Nhung	29/11/1990	KHA	8	8	9	7	10	8
810379	Đặng Thị Quỳnh	Như	26/01/1990	GIOI	9	9	9	9.5	10	9.5
810380	Đoàn Ngọc	Như	27/11/1989	KHA	7.5	10	9	8	9.5	8
810381	Dương Minh	Nhựt	5/10/1990	TB	7.5	7	7.5	5	9	9
810382	Nguyễn	Niên	25/12/1990	KHA	8	9	9.5	7	10	7

## BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810383	Hoàng Thị Kim	Oanh	14/08/1990	KHA	7	6	7	9.5	9.5	6.5
810384	Lương Bửu Hoàng	Oanh	27/09/1990	GIOI	9.5	9	9	9.5	10	9
810385	Phan Thị Kiều	Oanh	29/09/1990	TB	6.5	6.5	8.5	9	8.5	5.5
810386	Trần Thị Kim	Oanh	2/10/1990	KHA	7.5	8.5	9.5	6	10	6.5
810387	Võ Nguyễn Kiều	Oanh	1/8/1990	GIOI	8.5	9.5	9	9.5	10	8.5
810388	Vũ Hoàng Kim	Oanh	22/9/1990	TB	7.5	5.5	7	5	9	8.5
810389	Nguyễn Trường	Phan	28/04/1990	TB	8	8	9	6.5	10	5.5
810390	Lê Tấn	Phát	15/09/1990	KHA	7.5	8	9	7.5	10	8
810391	Nguyễn Thanh	Phát	13/01/1990	TB	4.5	6	6.5	6.5	7	6.5
810392	Nguyễn Trường	Phát	19/09/1990	TB	6	6	6	5	9	7
810393	Hoàng Gia Yên	Phi	30/06/1990	TB	6.5	5.5	4.5	6	6	5
810394	Nguyễn Thanh	Phong	10/1/1990	KHA	8	7	8.5	9	10	8
810395	Nguyễn Thanh	Phong	28/10/1990	KHA	8	7	6.5	7.5	9	7
810396	Phạm Tấn	Phong	13/11/1990	TB	6.5	7	6	6.5	9.5	5
810397	Trần Quang Nguyễn	Phong	12/10/1990	KHA	7	7.5	9	8	10	9
810398	Đình Thiên	Phú	19/02/1990	KHA	7.5	9	8	8	10	7.5
810399	Nguyễn Đức	Phú	16/09/1990	GIOI	7.5	9.5	9.5	9	9.5	8
810400	Phạm Công	Phú	8/6/1990	KHA	7	8	10	9	9	8
810401	Đỗ Hoàng Diễm	Phúc	10/11/1990	TB	6	5	6	5	5.5	7
810402	Lê Ngọc Khánh	Phúc	4/3/1990	KHA	7.5	9	9.5	7.5	10	7
810403	Lê Tấn	Phúc	13/02/1990	KHA	7	9	9.5	8	10	9
810404	Lê Vũ Hồng	Phúc	5/11/1990	KHA	7	7	7.5	9	9.5	7
810405	Nguyễn Hồng	Phúc	22/11/1990	TB	6	6	7.5	4	10	7
810406	Nguyễn Thành	Phúc	15/01/1990	TB	4	5.5	8.5	7	9.5	5.5
810407	Phan Giang Hồng	Phúc	15/03/1990	TB	6	7	10	2	10	9
810408	Lê Minh	Phụng	6/2/1990	TB	6.5	5.5	7	9	8.5	5
810409	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	28/04/1990	KHA	7.5	7.5	7.5	9	10	9
810410	Trần Thị Kim	Phụng	19/06/1990	TB	7.5	4.5	6.5	5	9	7
810411	Hoàng Minh	Phước	17/04/1990	KHA	7.5	9	9.5	8.5	10	8
810412	Nguyễn Bá	Phước	2/3/1990	TB	8	8.5	9.5	3.5	10	7
810413	Nguyễn Hoàn	Phước	23/06/1990	TB	6	9.5	9.5	3	9.5	6
810414	Võ Nguyễn Hồng	Phước	1/2/1990	TB	7	7.5	7.5	7	7	7
810415	Đào Ngọc Uyên	Phương	16/02/1990	KHA	7.5	6.5	7.5	9	9	7.5
810416	Lê Thị Hiếu	Phương	20/07/1990	KHA	8.5	6.5	6.5	9.5	9	6.5
810417	Nguyễn Thị Vân	Phương	24/10/1990	GIOI	9	9	9	9.5	10	8.5
810418	Nguyễn Anh	Phương	18/06/1990	KHA	8	7.5	7.5	9	10	6
810419	Nguyễn Mai Uyên	Phương	7/10/1990	KHA	8	7.5	7	8	10	6.5
810420	Nguyễn Thanh Diễm	Phương	24/12/1990	TB	8	5.5	6	9.5	9	5
810421	Nguyễn Thị Minh	Phương	8/11/1990	TB	7.5	5.5	8	6.5	9	7.5
810422	Nguyễn Trần Uyên	Phương	14/11/1990	TB	8	9	9.5	5.5	10	8.5
810423	Phạm Vũ Bích	Phương	13/07/1990	GIOI	8	8.5	10	7.5	10	9
810424	Phan Thị Xuân	Phương	12/10/1990	KHA	7.5	8.5	8.5	7	8	7
810425	Trần Trinh	Phương	27/05/1990	KHA	9	8	8	9.5	10	8.5
810426	Vũ Chí	Phương	11/12/1990	KHA	7.5	8.5	9.5	8.5	9.5	7.5
810427	Vũ Hoàng	Phương	6/3/1990	GIOI	7.5	7.5	9.5	9	10	9
810428	Chu Thị Anh	Phương	1/9/1990	TB	7	6.5	7.5	9	8.5	5
810429	Hàn Ngọc	Phương	10/6/1990	TB	8	4.5	4	3	9.5	8.5
810430	Hoàng Thị Bích	Phương	28/04/1990	KHA	7.5	7	9.5	9.5	10	7.5
810431	Nguyễn Kim	Phương	14/10/1990	KHA	8.5	7	8.5	8.5	10	7
810432	Phạm Thanh	Quan	26/01/1990	TB	8	5.5	4.5	9	7	5.5
810433	Lương Xuân	Quang	6/1/1990	TB	7	9	10	5	8.5	6
810434	Nguyễn Đăng	Quang	24/01/1990	TB	5	9	10	8	10	9
810435	Nguyễn Hồng	Quang	16/02/1990	KHA	7	7.5	9	9.5	9	8
810436	Phạm Xuân	Quang	14/04/1990	TB	5	7	7.5	7.5	8.5	6

## BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810437	Lâm Nghiê	Quân	24/08/1990	KHA	8	7	7.5	6.5	8.5	6.5
810438	Nguyễn	Quân	29/06/1990	TB	7.5	6.5	8	3.5	10	7.5
810439	Nguyễn Nhật	Quân	14/04/1990	TB	5.5	9	7.5	7	9	7.5
810440	Nguyễn Tú	Quân	5/9/1990	GIOI	8.5	9	9	9.5	9.5	8.5
810441	Trần Phú	Quốc	19/03/1990		6	5.5	3.5	1	8	4
810442	Dương Triệu Hoàng	Quy	28/09/1989	KHA	7.5	8	9.5	8	10	7
810443	Đỗ Thị Tố	Quyên	24/10/1990	KHA	6	6	8	10	9	9
810444	Nguyễn Ngọc	Quyên	23/10/1990	TB	8	6	7	4	10	7
810445	Lê Thụy Phương	Quỳnh	14/03/1990	KHA	7	8.5	8.5	7	6	8
810446	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	23/01/1990	TB	6	7	4	6	7.5	6.5
810447	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	22/02/1990	KHA	7.5	7	9.5	7	10	6.5
810448	Phạm Hoàng	Sang	2/7/1990	TB	5	7	8	7	8.5	6
810449	Phạm Thị Như	Sen	26/10/1990	GIOI	8	9.5	9	8	10	8
810450	Phạm Hoàng	Sơn	24/12/1990	KHA	7	9	10	7	9	8
810451	Phùng Ngọc Thái	Sơn	23/08/1990	TB	7.5	6	4.5	2.5	8	8
810452	Trần Cao	Sơn	25/07/1990	TB	5	6	4.5	7	3	3.5
810453	Trần Linh	Sơn	24/12/1990	TB	7	7.5	6.5	2.5	10	8
810454	Vũ Văn	Sơn	15/04/1990	TB	5.5	8.5	9	4	9.5	5.5
810455	Nguyễn Ngọc	Sương	1/11/1990	TB	7.5	6	6.5	10	9	7.5
810456	Lê Châu Nhật	Tài	3/3/1990	TB	6	7	7	8	9	6
810457	Nguyễn Hữu	Tài	7/2/1990	KHA	7.5	8	10	8.5	10	7.5
810458	Trần Nguyễn Anh	Tài	21/01/1990	TB	7	7.5	9	7	7.5	8
810459	Dương Văn	Tâm	19/08/1990	TB	8	5.5	8.5	5	10	6
810460	Lê Nhật	Tâm	17/08/1990	TB	7.5	6	5.5	9.5	7.5	5.5
810461	Nguyễn Đặng Thanh	Tâm	28/11/1990	TB	7.5	9	8.5	5	9	6.5
810462	Nguyễn Minh	Tâm	2/10/1990	KHA	6.5	9	8.5	6.5	10	9.5
810463	Nguyễn Thị Băng	Tâm	16/06/1990	KHA	8	9.5	10	10	10	7
810464	Nguyễn Thị Băng	Tâm	2/12/1990	TB	5.5	6.5	9	7	10	8
810465	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	24/04/1990	TB	7.5	6.5	6.5	7	7.5	6
810466	Phạm Minh	Tâm	17/11/1990	TB	6	8	8.5	5	10	5.5
810467	Đặng Văn	Tân	15/04/1990	KHA	7	9.5	9	7.5	10	8
810468	Nguyễn Văn	Tân	25/11/1990	TB	5.5	7.5	8.5	7.5	10	6
810469	Phạm Minh	Tân	10/2/1990	TB	5.5	5.5	4.5	8.5	7.5	5.5
810470	Trần Nhật	Tân	12/8/1990	TB	8	8	8.5	3.5	9.5	9
810471	Huỳnh Việt	Tấn	30/08/1990	KHA	7	8	9.5	7	9.5	9
810472	Hà Huy	Thạch	18/04/1990	TB	7	6	9	5.5	9.5	7
810473	Lý Nguyễn Bảo	Thạch	17/09/1990	GIOI	8	9.5	9	9	10	7
810474	Nguyễn Đức Quốc	Thái	5/1/1990	TB	5.5	8.5	9	8.5	10	6.5
810475	Nguyễn Thị	Thái	18/02/1990	TB	8.5	5.5	8.5	7.5	8	8.5
810476	Phan Quốc	Thái	20/08/1990	TB	5	6.5	7	2.5	7	6
810477	Đình Trúc	Thanh	11/4/1990	TB	8	8.5	7	10	9	5.5
810478	Đỗ Thị Nguyệt	Thanh	28/05/1990	GIOI	7	7.5	8.5	9.5	9	9
810479	Đỗ Thị Thiên	Thanh	15/02/1990	KHA	8	6	9.5	6.5	10	9.5
810480	Đỗ Thụy Phương	Thanh	24/10/1990	KHA	6.5	6.5	8	9.5	10	6.5
810481	Lê Thị Thiên	Thanh	13/04/1990	TB	7.5	5.5	4.5	2.5	8.5	7.5
810482	Lê Trần Thanh	Thanh	6/7/1990	KHA	7	6	7	9	9.5	9
810483	Lý Ngọc	Thanh	17/01/1990	KHA	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	10
810484	Nguyễn Ngọc Thiên	Thanh	15/02/1990	TB	6	3.5	4	5.5	4	7
810485	Nguyễn Đăng	Thanh	12/2/1990	TB	6.5	6.5	7	7	8.5	5
810486	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	23/02/1990	KHA	6.5	7.5	9	6.5	10	7.5
810487	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	23/07/1990	KHA	6	8	7.5	9.5	10	6
810488	Thăng Thiên	Thanh	15/12/1990	KHA	7.5	8.5	9	9	8.5	8.5
810489	Võ Mỹ Thiên	Thanh	2/1/1990	TB	7	7	9.5	3.5	10	6.5
810490	Vũ Giang Trúc	Thanh	2/1/1990	GIOI	8	9	9	9.5	10	10

## BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810491	Nguyễn Minh	Thành	26/03/1990	TB	6.5	7	6.5	5	8	7
810492	Nguyễn Văn	Thành	19/08/1990	KHA	6	9	9.5	9	10	8
810493	Phạm Thị Xuân	Thành	17/05/1990	TB	8	5	6	8	8.5	6
810494	Phạm Xuân	Thao	15/09/1990	TB	7	8	7	5	9.5	8
810495	Dương Ngọc	Thảo	1/1/1990	KHA	6.5	7.5	8.5	6.5	9.5	8.5
810496	Đàm Thị Thu	Thảo	19/10/1990	TB	7.5	5	5.5	5.5	5	8
810497	Đặng Phương	Thảo	17/02/1990	TB	7.5	5.5	6	6.5	9	8
810498	Đoàn Lương	Thảo	28/06/1990	TB	6	9	9.5	5	8	8.5
810499	Hà Phương	Thảo	13/06/1990	KHA	7	7.5	8.5	9.5	10	7.5
810500	Hoàng Thị Thu	Thảo	18/09/1990	TB	6.5	7	6.5	4.5	9	8
810501	Hoàng Vũ Thu	Thảo	17/06/1990	KHA	7.5	9.5	9	8.5	10	7.5
810502	Lê Châu Phương	Thảo	27/09/1990	GIOI	8	9	9	8.5	10	8
810503	Lê Thị Thanh	Thảo	25/08/1990	TB	7.5	6	8	4	9	7.5
810504	Lê Thị Thu	Thảo	19/06/1990	TB	6	7	5.5	4.5	8.5	7.5
810505	Lưu Thị Thanh	Thảo	9/6/1990	GIOI	8	9	10	9.5	10	9
810506	Mai Thị Phương	Thảo	18/11/1990	GIOI	7.5	8.5	9.5	9	10	8
810507	Nguyễn Diễm Phương	Thảo	16/06/1990	TB	7	9	9	5.5	10	7
810508	Nguyễn Phương	Thảo	4/7/1990	TB	7.5	7	7.5	3	8	6
810509	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/12/1990	TB	8.5	8	8.5	9	9.5	8.5
810510	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/12/1990	TB	7	8.5	7.5	3.5	7	7
810511	Nguyễn Thu	Thảo	13/02/1990	TB	6	4	6.5	9	7.5	7
810512	Phạm Phương	Thảo	18/10/1990	KHA	7.5	9	9	9	9.5	8.5
810513	Phạm Thị Như	Thảo	27/08/1990	KHA	7.5	7.5	7.5	9.5	9.5	8.5
810514	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/11/1990	KHA	7.5	8.5	9.5	8.5	10	8
810515	Phạm Thị Thu	Thảo	19/09/1990	TB	6	5	6.5	2.5	7.5	6.5
810516	Trần Thị Thu	Thảo	17/11/1990	KHA	8	8	9	9	10	8
810517	Trương Thị Hồng	Thắm	14/06/1990	GIOI	7.5	9.5	8	8	10	7
810518	Phạm Gia	Thăng	14/08/1990	KHA	6.5	7	8.5	7	9.5	7.5
810519	Khuất Bảo	Thắng	27/06/1990	TB	6.5	7	8.5	6.5	9.5	7
810520	Nguyễn Hoàng	Thắng	30/07/1990	TB	6.5	4.5	7.5	6.5	8	6.5
810521	Bùi Thị Lan	Thị	2/3/1990	TB	7	4.5	5.5	5	6.5	4.5
810522	Nguyễn Ngọc	Thị	18/10/1990	KHA	8	8	7.5	7.5	10	8
810523	Võ Tấn Anh	Thị	27/06/1990	GIOI	8	8.5	9	8.5	10	9
810524	Nguyễn Lê Khang	Thiên	4/5/1990	TB	7.5	7.5	7.5	3	9	8.5
810525	Lâm Chí	Thiện	11/2/1990	TB	7	6	6	6.5	8.5	5
810526	Lê Quang	Thiện	23/05/1990	TB	6.5	5	6.5	5	10	8
810527	Ngô Bá	Thiện	20/10/1990	TB	6.5	5.5	4.5	7.5	4.5	6
810528	Trần Nguyễn Minh	Thiện	26/11/1990	TB	6.5	6	6	5	7	5.5
810529	Nguyễn Tiến	Thịnh	6/12/1990	TB	6	5	8	9	8.5	5.5
810530	Hồ Ngọc	Thoa	26/09/1990	TB	6.5	6.5	8.5	0.5	8	8.5
810531	Nguyễn Dương Ngọc	Thới	10/5/1990	GIOI	8	10	10	9	10	9
810532	Phạm Thị	Thơm	9/8/1990	KHA	7	7.5	8	7	9.5	7
810533	Hà	Thu	31/03/1990	TB	7	8.5	9.5	5	10	7
810534	Lý Huệ	Thu	17/09/1990	KHA	7.5	6	8.5	8.5	10	8
810535	Nguyễn Thị Thiên	Thu	23/07/1990	KHA	7	7.5	9	8	9.5	6.5
810536	Võ Thị Ngọc	Thu	11/12/1990	TB	5.5	7.5	7	6.5	9	8.5
810537	Nguyễn Thị Hồng	Thuận	18/03/1990	TB	7.5	7	7.5	5.5	10	8
810538	Phan Thị Linh	Thuận	13/12/1990	GIOI	8.5	10	9.5	10	10	8.5
810539	Nguyễn Ngọc Thanh	Thùy	24/09/1990	TB	7.5	6.5	6	5	7	4.5
810540	Nguyễn Thị	Thùy	2/2/1990	GIOI	8	8.5	10	9	10	8.5
810541	Trần Thanh	Thùy	25/02/1990	KHA	7.5	8	8	9	9	7.5
810542	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	12/8/1990	KHA	9	7.5	6.5	9.5	8	7.5
810543	Vũ Ngọc	Thúy	5/7/1990	KHA	7	9	7.5	7.5	10	8.5
810544	Đặng Thị	Thúy	9/3/1990	TB	7	9	5.5	5	7.5	5.5

## BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810545	Hoàng Nguyên	Thủy	10/3/1990	TB	8	5.5	7.5	8.5	10	7
810546	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	18/07/1990	GIOI	9	8	9	8	10	8.5
810547	Pác Hồng	Thủy	5/5/1990	KHA	7	7	8.5	9	9.5	8.5
810548	Phạm Thanh	Thủy	30/12/1990		3	5	4	0.5	3	7
810549	Phạm Trọng Thanh	Thủy	23/04/1990	KHA	7.5	8.5	9	8	10	7
810550	Tăng Phương	Thủy	25/04/1990	KHA	7	10	8.5	9	10	8.5
810551	Trần Thanh	Thủy	1/6/1990	TB	7	8.5	9.5	5.5	10	6
810552	Trần Thị Thanh	Thủy	25/11/1990	KHA	8.5	8	6.5	7	10	6
810553	Bùi Thị Anh	Thư	4/4/1990	KHA	6	7	7	7	10	7
810554	Nguyễn Thị Anh	Thư	2/1/1990	GIOI	7	9.5	9	8	10	9
810555	Trần Thị Minh	Thư	13/02/1990	TB	7.5	8.5	6.5	5	10	8
810556	Trương Ngọc Anh	Thư	12/6/1990	GIOI	8	9	8.5	8	10	9.5
810557	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1990	TB	8	5	6	6.5	9	7.5
810558	Nguyễn Văn	Thường	6/2/1990	TB	6	6.5	8	6	5.5	7
810559	Bùi Thị Kim Phương	Thy	15/10/1990	GIOI	7	7.5	9	9	10	9
810560	Nguyễn Lê Gia	Thy	5/10/1990	TB	6.5	5.5	6	7	8	8.5
810561	Lê Nguyễn Thủy	Tiên	13/01/1990	TB	6	6	5.5	5	6.5	5
810562	Nguyễn Lê Thủy	Tiên	20/03/1990	TB	6	4	3	8	7	6.5
810563	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	3/2/1990	KHA	8	8	9	6	10	9
810564	Phạm Nguyễn Phương	Tiên	10/8/1990	KHA	8	6.5	6.5	8	8.5	7
810565	Phạm Thị	Tiên	18/05/1990	KHA	8.5	8	7	9	10	7
810566	Trịnh Thị Thủy	Tiên	10/7/1990	GIOI	8	9.5	9	9.5	10	7
810567	Bùi Kiến	Tín	8/11/1990	TB	7	6.5	6	5.5	7.5	7.5
810568	Hoàng Đình Thương	Tín	10/3/1990	TB	5	6.5	7	4	9.5	8
810569	Đào Văn	Tinh	13/09/1990	TB	5.5	7.5	6.5	4	9	5.5
810570	Nguyễn Cao	Toàn	10/8/1990	KHA	6	7.5	7	6	6.5	6.5
810571	Đỗ Ngân	Trà	23/08/1990	KHA	6	8.5	9	9	9.5	7.5
810572	Chu Thanh	Trang	26/09/1990	KHA	8	9	8.5	9	10	8.5
810573	Dương Thị Thùy	Trang	3/1/1990	KHA	6.5	9.5	9	8	10	7
810574	Đào Thị Huyền	Trang	27/08/1990	KHA	8	8.5	7.5	6	10	9
810575	Đặng Thái Minh	Trang	10/12/1990	KHA	7.5	9	7.5	7	10	7
810576	Đặng Trần Thùy	Trang	18/12/1990	KHA	8	7	8.5	8	10	6
810577	Đình Huế	Trang	2/5/1990	KHA	7.5	7	7.5	7	10	9
810578	Đoàn Thị Thu	Trang	24/05/1990	TB	6.5	4	6.5	7	8	7.5
810579	Hoàng Thị Thu	Trang	23/02/1990	TB	8	7	6	5.5	7.5	3.5
810580	Huỳnh Thị Thu	Trang	10/5/1990	TB	7.5	6	7	5.5	9.5	8
810581	Lê Kiều	Trang	22/10/1990	KHA	8	8	8.5	7.5	10	7
810582	Lê Nguyễn Minh	Trang	15/12/1990	GIOI	8.5	9.5	8.5	8.5	10	9
810583	Lợi Minh	Trang	5/7/1990	KHA	6.5	7.5	8.5	7	10	7
810584	Lương Thị Ngọc	Trang	7/6/1990	TB	7.5	6.5	7	3	9	5.5
810585	Ngô Thị Đoan	Trang	6/6/1990	TB	6	5.5	7.5	4	10	6.5
810586	Nguyễn Hà	Trang	18/04/1990	GIOI	9	8	9.5	9	10	9
810587	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/09/1990	GIOI	8	7.5	9.5	9.5	10	9
810588	Nguyễn Thị Phương	Trang	12/10/1990	KHA	7	7.5	9	7.5	10	8
810589	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/09/1990	GIOI	7	8.5	9.5	8	10	8.5
810590	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/12/1990	KHA	8	6.5	8.5	9	9	8
810591	Phạm Thị# Thùy	Trang	3/2/1990	TB	7	6.5	8	5	9.5	7.5
810592	Phạm Thu	Trang	26/06/1990	KHA	7.5	7.5	8.5	6.5	9.5	6.5
810593	Phan Thị	Trang	2/9/1990	GIOI	9	8	8.5	8	10	10
810594	Tô Thị Quỳnh	Trang	10/10/1990	GIOI	8	8.5	9	8	10	8
810595	Trần Nguyễn Thu	Trang	25/11/1990	KHA	7	10	8.5	8	10	7.5
810596	Trần Thị Thùy	Trang	22/09/1990	TB	8.5	5.5	6.5	7	7.5	8
810597	Lê Minh Bảo	Trâm	16/02/1990	TB	8	5.5	7	8	9	8
810598	Nguyễn Hoàng Khánh	Trâm	27/02/1990	KHA	7	6	8.5	9.5	7	7

## BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810599	Nguyễn Ngọc Thanh	Trâm	20/01/1990	KHA	7	7.5	8	6.5	7	9.5
810600	Phạm Thị Huyền	Trâm	14/05/1990	KHA	8	7	7.5	6.5	10	7
810601	Trần Ngọc Huyền	Trâm	17/07/1990	TB	7.5	5.5	6	6.5	5.5	6.5
810602	Trương Nguyễn Quỳnh	Trâm	1/3/1990	TB	5.5	7.5	7.5	7	10	8
810603	Vũ Đào Quỳnh	Trâm	31/10/1990	TB	7	7.5	6	1	10	9
810604	Bùi Ngọc	Trân	10/5/1990	KHA	6.5	7	7.5	9.5	10	7.5
810605	Lê Ngọc Nhã	Trân	24/04/1990	TB	8.5	7	5	7	9.5	8.5
810606	Lê Quang	Trí	9/1/1990	TB	6	7.5	9.5	5	9	6
810607	Nguyễn Minh	Trí	26/07/1990	TB	8	5	7.5	9	8	8
810608	Trần Long Minh	Trí	9/3/1990	TB	8	7	7.5	1	7.5	7
810609	Võ Quốc	Trí	24/06/1990	TB	6.5	6.5	8	5	10	7
810610	Phạm Thanh	Triết	4/11/1990	TB	7	4	5	3	8	7
810611	Tống Thị Minh	Triết	6/2/1990	TB	6	5.5	3.5	6	7	6
810612	Phạm Dương Tú	Trình	26/08/1990	KHA	8	8.5	9	8	10	6.5
810613	Trần Thị Tú	Trình	16/10/1990	TB	6.5	6	6.5	5	6	5
810614	Trịnh Ngọc Mỹ	Trình	7/6/1990	KHA	8	8	9	9	9	6.5
810615	Nguyễn Bảo	Trọng	1/6/1990	KHA	7	7	6.5	6.5	8	8
810616	Nguyễn Hiếu	Trọng	20/08/1990	GIOI	8.5	9.5	9.5	10	10	8.5
810617	Cao Thanh	Trúc	18/08/1990	TB	9	6.5	5.5	3.5	6	8.5
810618	Đặng Vi Thanh	Trúc	28/03/1990	KHA	8	7	8	9	10	8
810619	Huỳnh Thanh	Trúc	14/11/1990	KHA	7	7	9.5	6.5	10	7
810620	Lê Thị Thanh	Trúc	3/9/1989	KHA	8	7	8	6	9.5	7
810621	Nguyễn Ngọc Thư	Trúc	9/4/1990	KHA	7.5	7	8	7.5	8.5	8.5
810622	Nguyễn Thị Kim	Trúc	30/10/1990	KHA	9	8.5	8.5	7.5	10	6.5
810623	Trần Thanh	Trúc	4/3/1990	KHA	8	8.5	9.5	7.5	10	7
810624	Trần Thanh Thu	Trúc	24/01/1990	KHA	8	7.5	9.5	9.5	10	6
810625	Đỗ Quốc	Trung	22/09/1990	GIOI	7	8	9.5	9	10	9
810626	Nguyễn Bảo	Trung	26/08/1990	KHA	8	7	9.5	9.5	10	8
810627	Nguyễn Gia	Trung	27/05/1990	KHA	6.5	6.5	7	10	8.5	7
810628	Nguyễn Thành	Trung	27/09/1990	KHA	6.5	6	7	7	8.5	9
810629	Nguyễn Trường Xuân	Trung	10/4/1990	TB	5.5	7	6.5	4	7	6
810630	Phạm Minh	Trung	11/5/1990	TB	6.5	7.5	8.5	5	10	7.5
810631	Võ Hoài	Trung	17/10/1990	KHA	6	7.5	9	9.5	10	8.5
810632	Nguyễn Xuân	Trường	16/05/1990	TB	6.5	5	6.5	8	7	8.5
810633	Trần Mạnh	Trường	15/10/1990	TB	6	5	5	5	8	5
810634	Hoàng Võ Anh	Tú	26/04/1990	TB	5.5	6.5	6	7.5	9	5.5
810635	Lê Khoa	Tú	14/05/1990	TB	8.5	5.5	5.5	7	8	5.5
810636	Lê Minh	Tú	30/04/1990	TB	6	5	5.5	7.5	7	4.5
810637	Nguyễn Hữu	Tú	28/12/1990	KHA	6	6.5	9	9	9	7
810638	Nguyễn Mạnh	Tú	15/05/1990	TB	7.5	6.5	8	7.5	8.5	5
810639	Nguyễn Ngọc Nhật	Tú	11/6/1990	TB	6	7	8	9	7.5	6
810640	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	28/09/1990	KHA	7.5	6	7	9	8	7
810641	Phạm Tuấn	Tú	11/8/1990	TB	6.5	9.5	7	5	9	6
810642	Trần Tuấn	Tú	13/06/1990	TB	6.5	5.5	6.5	7.5	6	6
810643	Đặng Minh	Tuấn	8/3/1990	TB	6	5.5	8.5	9.5	9	7
810644	Đình Kiều Anh	Tuấn	17/08/1990	GIOI	7	9	9	9.5	10	9
810645	Hà Anh	Tuấn	28/12/1990	KHA	6.5	9	9	9	10	6
810646	Lê Anh	Tuấn	23/09/1990	TB	6.5	8	7	9	9	7
810647	Nguyễn Anh	Tuấn	5/4/1990	TB	5	5	7.5	9	9	6.5
810648	Nguyễn Anh	Tuấn	20/09/1990	KHA	7	6	7.5	9	9	8
810649	Nguyễn Đình	Tuấn	27/11/1990	TB	8	7.5	9.5	6.5	10	5
810650	Nguyễn Hoàng	Tuấn	19/01/1990	KHA	7.5	8	8.5	7.5	10	8
810651	Nguyễn Mạnh	Tuấn	7/1/1990	TB	7.5	6.5	10	5	10	4.5
810652	Phạm Minh	Tuấn	16/03/1990	TB	7	8.5	9.5	3.5	10	6.5

**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008**

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810653	Phan Anh	Tuấn	7/6/1990	KHA	9	8.5	10	7	9.5	7.5
810654	Trần Anh	Tuấn	6/7/1990	GIOI	7	9	9	8.5	9.5	7
810655	Nguyễn Sơn	Tùng	3/9/1990	TB	8	4.5	8	6	6	4.5
810656	Phạm Thanh	Tùng	4/1/1990	KHA	8	8	9	7.5	7.5	7
810657	Đặng Kim	Tuyền	27/12/1990	KHA	8	9	8	7.5	10	9
810658	Nguyễn Ngọc	Tuyền	1/7/1990	KHA	8	7.5	8.5	8.5	9.5	7.5
810659	Vũ Thị Minh	Tuyền	10/2/1990	KHA	9	6	7	7	9	9
810660	Bùi Thị Kim	Tuyền	7/8/1990	TB	6	6	5	1	10	5
810661	Trần Thị Kim	Tuyền	27/07/1990	TB	8	7	9.5	3	10	9.5
810662	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	23/04/1990	KHA	7.5	8	8.5	8.5	8.5	6
810663	Trương Thị ÁNH	Tuyết	13/03/1990	GIOI	8.5	9	8.5	9	10	9.5
810664	Trần Thị Xuân	Tước	1/1/1990	GIOI	8.5	10	9	9	10	9
810665	Trần Thị	Tươi	4/12/1990	KHA	8.5	7	7	6	8.5	7.5
810666	Nguyễn Kim	Uyên	18/01/1990	TB	8	5	5.5	5	10	8
810667	Bùi Thị Hồng	Vân	3/9/1990	GIOI	8	9	9.5	7.5	10	7.5
810668	Cổ Thị Hồng	Vân	14/02/1990	TB	7	6	8.5	3	10	8
810669	Lê Hà Thu	Vân	4/12/1990	TB	6.5	6.5	5.5	8.5	4.5	5.5
810670	Nguyễn Nhất	Vân	27/01/1990	KHA	7.5	8	10	9	10	7
810671	Nguyễn Thị Hải	Vân	17/07/1990	GIOI	7.5	8	8.5	8	10	9
810672	Ngô Huỳnh	Văn	5/8/1990	TB	6	7	5	3.5	6.5	8
810673	Nguyễn Duy	Văn	13/06/1990	TB	7	8	10	5.5	10	7.5
810674	Cao Thị Tường	Vi	3/7/1990	KHA	8.5	8.5	8.5	9	10	8
810675	Tôn Nữ Hoa	Việt	22/11/1990	TB	8.5	7.5	7.5	5	9	8
810676	Bạch Sỹ Đức	Vinh	6/4/1990	KHA	7.5	9	10	9.5	10	8.5
810677	Bạch Trương Quang	Vinh	6/5/1990		6.5	3.5	5	1.5	6	4
810678	Lâm Quang	Vinh	11/1/1990	TB	7	5	7.5	9.5	9	7
810679	Lê Chánh	Vinh	28/08/1990	TB	6.5	8	9.5	3.5	10	5
810680	Lê Phạm Quang	Vinh	6/4/1990	GIOI	8	8.5	8	9	10	7
810681	Mai Công	Vinh	25/07/1989	KHA	7	8.5	9.5	9.5	9.5	9
810682	Đình Tiến	Vũ	7/4/1990	KHA	8	7.5	9.5	7.5	10	7.5
810683	Nguyễn Hoài	Vũ	5/4/1990	KHA	6.5	7	8	7.5	9	8.5
810684	Nguyễn Lê Hoàng	Vũ	4/10/1990	KHA	7	9.5	9	6.5	10	8.5
810685	Nguyễn Mạnh	Vũ	21/01/1990	TB	8.5	6	7	8.5	5.5	8.5
810686	Nguyễn Quốc	Vũ	7/3/1990	KHA	7	7.5	8	7	8.5	8
810687	Nguyễn Thanh	Vũ	29/07/1989	KHA	8.5	8.5	9.5	8	10	7.5
810688	Nguyễn Tuấn	Vũ	1/1/1990	TB	8	5.5	7.5	6.5	9	5
810689	Trần Anh	Vũ	1/1/1990	TB	7	6.5	5.5	3.5	6	5.5
810690	Trương Hoàng	Vũ	5/8/1990	TB	5.5	6	4.5	2	6.5	7
810691	Vũ Lưu	Vũ	1/4/1990	TB	8.5	5.5	6	7.5	9	8
810692	Nguyễn Đình	Vương	9/8/1990	TB	7	7.5	9	5	10	6
810693	Nguyễn Quốc Minh	Vương	29/12/1990	TB	7.5	6	4	7	6	5
810694	Đỗ Nguyễn Khánh	Vy	27/09/1990	KHA	9	6.5	6.5	7.5	9.5	8
810695	Lê Hoàng Tường	Vy	28/03/1990	KHA	7.5	7.5	8	9	10	7
810696	Lý Tường	Vy	6/2/1990	KHA	8	8	7	9.5	9	8.5
810697	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	2/1/1990	KHA	7.5	9	8.5	9	9	9
810698	Phan Mỹ Thảo	Vy	1/8/1990	TB	6	5.5	8	6	7	5.5
810699	Vũ Thị Yến	Vy	6/2/1990	GIOI	8	8.5	9	8.5	10	9
810700	Đoàn Thị Lộc	Xuân	10/1/1990	TB	7.5	7	8.5	3	10	7.5
810701	Nguyễn Thị Hoa	Xuân	19/02/1990	TB	6	5.5	5.5	6	9	9
810702	Nguyễn Thị Trường	Xuân	8/11/1990	KHA	8	8.5	9	9	10	8
810703	Phang Ngọc	Xuân	20/03/1990	GIOI	7	8.5	9.5	9	10	7
810704	Trần Bích	Xuân	9/10/1990	GIOI	8	7	8.5	8.5	10	9.5
810705	Trịnh Thị	Xuân	11/10/1990	TB	6	5.5	5.5	3.5	5	6
810706	Trần Thị Kim	Xuyến	18/12/1990	KHA	6.5	9	9	7.5	10	7

**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 2008**

SBD	Họ - lót	Tên	Ngày sinh	XLTN	Văn	Sinh	Lý	Sử	Toán	NNTT
810707	Đỗ Thụy Như	Ý	17/09/1990	KHA	6	8	9	8.5	9	8
810708	Nguyễn Thị Hoàng	Ý	11/4/1990	TB	7	7	9	6.5	10	6.5
810709	Lã Thị Hải	Yến	7/5/1990	KHA	7.5	6	8.5	8	10	6
810710	Nguyễn Hải	Yến	26/09/1990	KHA	7	6	9	9.5	10	7.5
810711	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/01/1990	TB	6	5	6	2.5	7.5	5.5
810712	Nguyễn Thị Kim	Yến	7/4/1990	TB	6	7.5	7.5	4	10	5
810713	Phan Thị Trường	An	29/04/1990	TB	8.5	7	6.5	5.5	7	7.5
810714	Nguyễn Thị Thúy	Anh	3/2/1990	KHA	9	9	8.5	6	10	10
810715	Nguyễn Hoàng	Duy	30/07/1990	TB	8.5	6	4.5	5	7	6
810716	Nguyễn Thị Hải	Hà	28/01/1990	TB	8.5	7	5	5.5	9.5	9
810717	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/01/1990	TB	9	6.5	4	5.5	10	9.5
810718	Nguyễn Vũ Mỹ	Hạnh	10/4/1990	TB	8.5	5.5	3.5	5	7.5	9
810719	Lê Nhật	Linh	16/03/1990	TB	6.5	4.5	4.5	6	8.5	6
810720	Trần Thị Mỹ	Linh	18/03/1990	TB	6.5	5.5	5	6	9.5	7
810721	Đinh Thị Hoàng	My	24/08/1990	TB	8	5	6	5	7.5	8
810722	Hoàng Thị Mỹ	Nga	10/1/1990	TB	9	6	5.5	6.5	6.5	6.5
810723	Phạm Đào Thái	Ngân	27/10/1990	TB	6.5	7.5	5	5	9	7
810724	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8/6/1989	KHA	8.5	8.5	7	8.5	10	7
810725	Nguyễn Thị Như	Ngọc	8/3/1990	KHA	8.5	8	8	9	10	8
810726	Lê Thanh	Phong	21/07/1990	KHA	8.5	8.5	9	7.5	10	8.5
810727	Nguyễn Thị Anh	Phụng	27/07/1990	TB	7.5	6.5	7	5.5	8	5
810728	Nguyễn Lê Trúc	Phương	16/06/1990	TB	7.5	7	7.5	5	9.5	6.5
810729	Trần Nguyễn Hoàng	Phương	15/02/1990	TB	8	7	6	5.5	8.5	6
810730	Võ Ngọc Duy	Quang	19/01/1990	TB	8	6.5	4.5	4	10	8
810731	Nguyễn Thị Phượng	Quyên	18/01/1990	TB	7	5.5	5.5	4	7	7
810732	Trần Thị Minh	Tâm	12/9/1990	KHA	7	8	7	7	9	7.5
810733	Diệp Ngọc	Thanh	16/01/1990	TB	7	5.5	5	4	8	6
810734	Phạm Thị Lan	Thảo	21/03/1990	TB	7.5	6	4.5	2.5	8	9
810735	Trần Hoàng Bích	Thảo	4/1/1990	TB	7.5	7	5.5	9	9	8.5
810736	Vũ Thị Hồng	Thảo	22/09/1990	TB	9.5	7	5	8.5	10	8
810737	Nguyễn Thị Thu	Thủy	17/07/1990	TB	7	7	7	8.5	7.5	6
810738	Phạm Trung	Tín	15/11/1990	TB	7	6.5	6	3	9	6
810739	Dương Nguyễn Quỳnh	Trần	4/12/1990	TB	7.5	7.5	5.5	7.5	9	6
810740	Nguyễn Lê Quốc	Trình	9/8/1989	TB	7	7	5.5	4.5	7.5	4.5
810741	Nguyễn Lê Tú	Uyên	17/08/1990	TB	8	6	6	6	9	5.5
810742	Phan Thanh	Vũ	5/1/1990	TB	6	7	4	5	10	8
810743	Trương Thị Hoàng	Yến	26/06/1990	TB	7.5	6.5	5	4.5	9	7